



QUANG NAM

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU
QUẢNG NAM**

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2020**

I. Thông tin chung.....	3
II. Tình hình hoạt động trong năm.....	4
III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc	11
IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty	13
V. Quản trị công ty.....	14
VI. Báo cáo tài chính.....	15

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

Tên Công ty:	CÔNG TY CP ĐẦU TƯ CAO SU QUẢNG NAM
Tên tiếng Anh:	QUANG NAM RUBBER INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt:	QUANG NAM RUBBER INVESTMENT JSC
Trụ sở chính:	Lô 04 KCN Điện Nam Điện Ngọc. Phường Điện Ngọc. Thị xã Điện Bàn. tỉnh Quảng Nam
Điện thoại:	0235 3946 345
Fax:	0235 3946 333
Website:	www.qnr.vn
Logo Công ty:	



QUANG NAM

Giấy chứng nhận ĐKKD: Số 4000386181 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam cấp, đăng ký lần đầu ngày 14/07/2003; đăng ký thay đổi lần 16 ngày 22/08/2018.

Vốn điều lệ đăng ký: 1.500.000.000.000 đồng (Một nghìn năm trăm tỷ đồng)

Vốn điều lệ thực góp: 1.500.000.000.000 đồng (Một nghìn năm trăm tỷ đồng)

Mã cổ phiếu: VHG

2. Quá trình hình thành và phát triển

2.1. Quá trình hình thành và phát triển

- **Năm 2003:** Ngày 14/07/2003 Công ty cổ phần Đầu tư & Sản xuất Việt-Hàn (VHG) được thành lập.
- **Năm 2004:** Sản phẩm cáp đồng với thương hiệu VIET-HAN CABLE
- **Năm 2005:** Tháng 09/2005, xuất lô hàng cáp viễn thông đầu tiên
- **Năm 2006:** Sản xuất cáp viễn thông có dung lượng 2.400 đôi, trở thành nhà sản xuất cáp có dung lượng lớn nhất Việt Nam
- **Năm 2007:**
 - + Indochina Capital thành nhà đầu tư chiến lược và Vinacapital là cổ đông lớn của VHG
 - + PhonVinh Corp và Handic hợp tác toàn diện với VHG
 - + VNR-Top 500 Company xếp VHG nằm trong Top 500 DNTN lớn nhất Việt Nam
- **Năm 2008**
 - + Tháng 01/2008: 28/01, cổ phiếu VHG thức giao dịch trên sàn HOSE
 - + VNR-Top 500 Company tiếp tục xếp VHG trong Top 500 DNTN lớn nhất Việt Nam
- **Năm 2009**

- + Tháng 05/2009: Khánh thành nhà máy sản xuất vật liệu (VMC) công suất 80 triệu SP/năm
- + Tháng 10/2009: UBND Tp Đà Nẵng quyết định phê duyệt QH 1:500 cho dự án D'evelyn tower.
- + Tháng 11/2009: Sản xuất thành công sản phẩm FRP có đường kính trên 4m. dung tích 150m³
- **Năm 2010**
- + Tháng 02/2010: Thay đổi chiến lược phát triển của VHG một cách cơ bản. theo đó thống nhất xây dựng VHG phát triển xoay quanh trục ngành nghề với thứ tự ưu tiên là Bất động sản, hạ tầng công nghiệp dịch vụ - Trồng và chế biến cao su - Sản xuất vật liệu XD cơ bản - Đầu tư khai thác chế biến kim loại màu..
- **Năm 2011**
- + Tháng 1/2011: Hoàn thành đầu tư nâng cấp mở rộng nhà máy composite.
- + Tháng 07/2011: VHG được cấp phép đầu tư mở rộng dự án trồng và chế biến cao su tại Đông Giang tỉnh Quảng Nam từ 4.115 ha lên 13.300 ha.
- + Tháng 08/2011: Công ty Quê Việt Quảng Nam – Công ty con của VHG được cấp phép đầu tư khu nghỉ dưỡng biển cao cấp tại khu vực Non Nước – Hội An trên diện tích 5.3 ha.
- **Năm 2012:** Tháng 06/2012: Thành viên Hiệp hội cao su Việt Nam
- **Năm 2013:** Thực hiện tăng vốn điều lệ lên 375 tỷ đồng.
- **Năm 2014:**
- + Tháng 09/2014. Công ty tái cấu trúc đổi tên thành Công ty cổ phần Đầu tư Cao su Quảng Nam nâng vốn điều lệ lên 750 tỷ đồng
- **Năm 2015:**
- + Tháng 8/2015. Công ty thực hiện thành công việc phát hành cổ phiếu nâng vốn điều lệ lên 1.500 tỷ đồng.
- **Năm 2016:** Mở rộng hoạt động thương mại trong lĩnh vực phân bón hóa chất;
- **Năm 2017:** Công ty tập trung tái cơ cấu các hoạt động sản xuất kinh doanh;
- **Năm 2018:** Công ty vẫn tiếp tục vào việc tái cơ cấu hoạt động sản xuất kinh doanh;
- **Năm 2019:** Công ty chúng tôi đã tiếp tục thực hiện việc tái cơ cấu tài chính. Công ty đã bước đầu mua lại được một phần mảng hoạt động sản xuất kinh doanh nhựa và ống nhựa.
- **Năm 2020 :** Công ty chúng tôi đã tiếp tục thực hiện việc tái cơ cấu các khoản đầu tư tài chính.

2.2. Ngành nghề kinh doanh và địa bàn kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh

- + Sản xuất dây cáp. sợi cáp quang học;
- + Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại;
- + Sản xuất, truyền tải và phân phối điện (Chi tiết: thủy điện, sản xuất điện khác (điện phong...));
- + Sản xuất sản phẩm từ plastic (Chi tiết: sản xuất ống nhựa cứng, các sản phẩm nhựa PVC, composite và các sản phẩm);

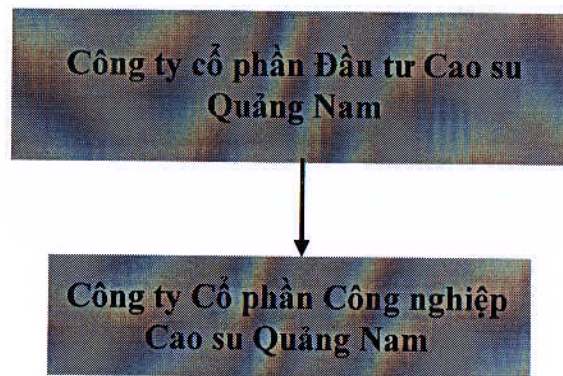
- + Xây dựng công trình dân dụng. giao thông. kỹ thuật;
- + Kinh doanh bất động sản. quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu. chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- + Khai thác đá. cát. sỏi. đất sét;
- + Trồng cây cao su;
- + Khai thác gỗ;
- + Khai thác quặng đồng;
- + Khai thác quặng sắt;
- + Sản xuất linh kiện điện tử (Chi tiết: sản xuất các thiết bị điện thoại);
- + Sản xuất thủy tinh và sản phẩm từ thủy tinh;
- + Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử. viễn thông (Chi tiết: bán buôn các thiết bị viễn thông. thiết bị điện tử điều khiển. thiết bị phát sóng. linh kiện điện thoại);
- + Trồng rừng và chăm sóc rừng lấy gỗ;
- + Sản xuất dây. cáp điện và điện tử khác;
- + Sản xuất xi măng. vôi và thạch cao;
- + Sản xuất sản phẩm khác từ plastic;
- + Sản xuất bột giấy. giấy và bìa;
- + Sản xuất sản phẩm chịu lửa;
- + Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác;
- + Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- + Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- + Sản xuất cao su tổng hợp dạng nguyên sinh;
- + Sản xuất kim loại màu và kim loại quý;
- + Bán buôn thiết bị điện lạnh. điện cơ;
- + Sản xuất phân bón và hợp chất nitơ;
- + Bán buôn giấy các loại;
- + Hoạt động viễn thông có dây;
- + Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét;
- + Hoạt động viễn thông không dây;
- + Tìm kiếm. thăm dò. khai thác khoáng sản (trừ khoáng sản cấm).
- Sản phẩm/dịch vụ chính:
 - + Trồng cây cao su;
 - + Sản xuất cao su tổng hợp dạng nguyên sinh;
 - + Xây dựng công trình dân dụng. giao thông. kỹ thuật;
 - + Kinh doanh bất động sản. quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu. chủ sử dụng hoặc đi thuê;
 - + Khai thác đá. cát. sỏi. đất sét;

Địa bàn kinh doanh: Trong và ngoài nước.

3. Thông tin về mô hình quản trị. tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

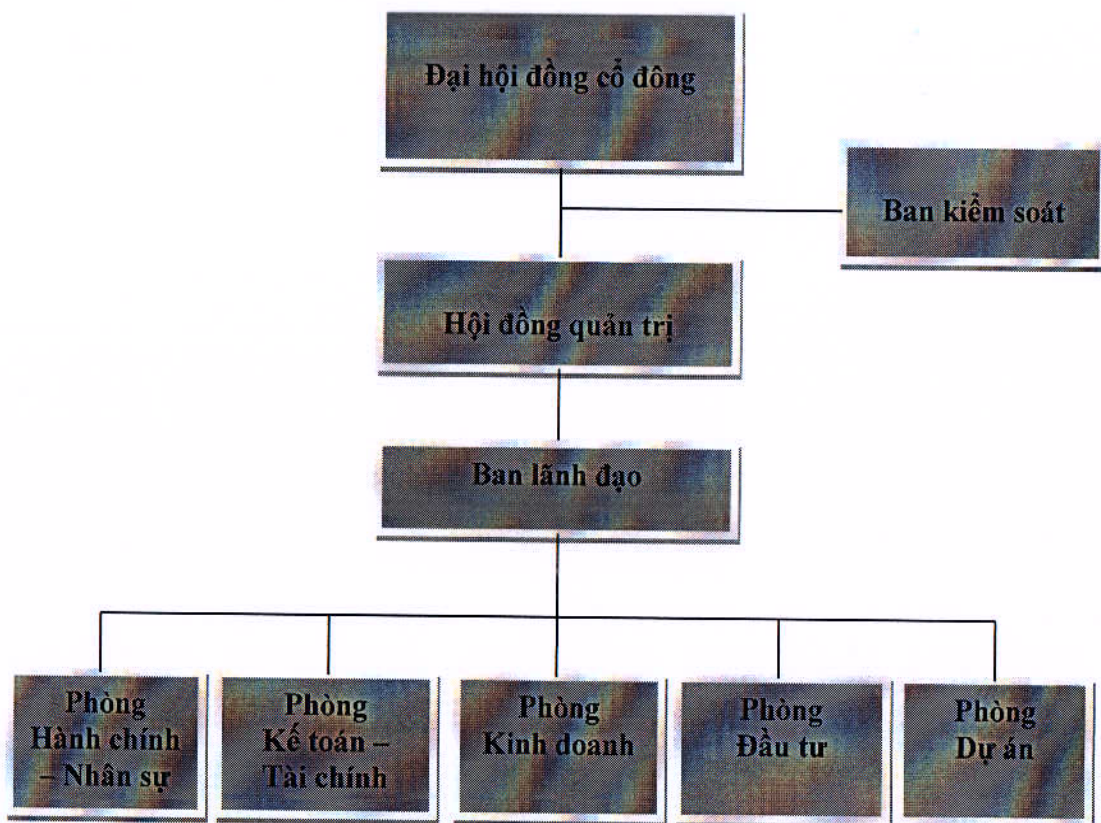
3.1. Mô hình hoạt động, tổ chức của Công ty

Sơ đồ tổ chức của Công ty



3.2. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty

Sơ đồ bộ máy quản lý của Công ty



3.3. Các công ty con, liên kết

3.3.1 Công ty con:

Công ty cổ phần Công nghiệp Cao su Quảng Nam

- Địa chỉ: Thôn Phú Sơn, Xã Ba, Huyện Đông Giang, Tỉnh Quảng Nam
- Vốn điều lệ: 300.000.000.000
- Tỷ lệ nắm giữ của Cao su Quảng Nam: 72%

3.3.2 Công ty liên kết:

Công ty cổ phần Sản Xuất Ứng Dụng Công Nghệ Cao Thái Sơn

- Địa chỉ: Nhà số 2. LK 5B. Khu đô thị Mỗ Lao. Quận Hà Đông. Tp Hà Nội;
- Vốn điều lệ: 100.000.000.000 (Một trăm tỷ đồng chẵn)
- Tỷ lệ nắm giữ của Cao su Quảng Nam: 49%

4. Định hướng phát triển:

Trong những năm tới Công ty sẽ từng bước hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định trở lại. hoạt động có hiệu quả và bắt đầu có lãi. với định hướng cụ thể như sau:

- Tập trung hoàn thành quá trình tái cơ cấu những hoạt động sản xuất kinh doanh không hiệu quả. đồng thời nỗ lực thu hồi vốn còn lại của các khoản đầu tư tại các hoạt động sản xuất kinh doanh này.
- Đưa trở lại mảng hoạt động sản xuất kinh doanh nhựa và ống nhựa mà Công ty đã có kinh nghiệm từ trước. mang lại hoạt động thường xuyên liên tục và ổn định cho Công ty.
- Tiếp tục triển khai xúc tiến hoạt động thương mại trong lĩnh vực phân bón. hóa chất. nông sản và các sản phẩm khác nhằm gia tăng doanh thu và lợi nhuận.
- Đẩy mạnh công tác thu hồi các khoản nợ quá hạn đã trích lập dự phòng. để hoàn nhập chi phí làm gia tăng lợi nhuận trong các năm tới
- Tiếp tục kiện toàn bộ máy tổ chức quản lý. xây dựng và chuẩn bị nguồn nhân sự hùng mạnh cho chiến lược phát triển lâu dài.
- Tăng cường công tác quản trị nội bộ để gia tăng hiệu quả: tinh giảm nhân sự. kiểm soát chặt chẽ chi phí. xây dựng kế hoạch kinh doanh linh hoạt. sử dụng vốn hiệu quả. giảm thiểu chi phí tài chính và quay vòng vốn hiệu quả hơn.

5. Các rủi ro:

- Tình hình kinh tế trong nước và thế giới diễn biến phức tạp. hoạt động thương mại chiếm vốn lớn nhưng hiệu quả mang lại chưa cao đang là bài toán khó cho Công ty trong việc đưa ra những quyết sách phù hợp.
- Giá cao su giảm sâu trên thị trường trong nước và quốc tế là thách thức to lớn trong việc chăm sóc và trồng mới cây cao su. trong khi chưa đánh giá cụ thể chất lượng mù cây cao su đến thời kỳ thu hoạch.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2020 Công ty tiếp tục mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh, kết quả cả năm 2020. Tổng Doanh thu. Doanh thu hoạt động tài chính và Thu nhập khác hơn 2.1 tỷ đồng đạt mức 21% kế hoạch đặt ra

Đơn vị tính: đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Chênh lệch năm 2020 so với năm 2019
1	Tổng tài sản	328.866.629.037	270.511.120.511	(58.355.508.526)
2	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ. doanh thu hoạt động tài chính. thu nhập khác	11.380.077.542	2.100.188.831	(9.279.888.711)
3	Lợi nhuận sau thuế	(25.509.555.014)	(73.113.096.218)	(47.603.541.204)
4	EPS	(68)	(469)	(401)

Doanh thu Công ty đạt 21% so với kế hoạch 10 tỷ. Lợi nhuận sau thuế giảm 183% so với kế hoạch 0.4 tỷ đã đề ra tại Đại hội cổ đông thường niên 2020.

2. Tổ chức và nhân sự

2.1. Danh sách Ban điều hành

▪ Ông Vũ Anh Tuấn – Chủ tịch HĐQT

Họ và tên: Vũ Anh Tuấn
Giới tính: Nam
Ngày tháng năm sinh: 08/05/1969
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Mỏ- Địa chất
Chức vụ hiện nay: Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Quảng Nam.

▪ Bà Nguyễn Thị Hạnh – Kế toán trưởng

Họ và tên: Nguyễn Thị Hạnh
Giới tính: Nữ
Ngày tháng năm sinh: 03/12/1988.
Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán
Chức vụ hiện nay: Kế toán trưởng CTCP Đầu Tư Cao su Quảng Nam

2.2. Số lượng cán bộ, nhân viên

Tình hình nhân sự: Công ty đã sắp xếp và tái cấu trúc hợp lý bộ máy tổ chức, thay đổi bổ nhiệm mới nhiều vị trí chủ chốt trong Ban lãnh đạo, tinh giảm nhân sự trong toàn Công ty, tiến tới mục tiêu đảm bảo nguồn nhân lực chất lượng, hoạt động hiệu quả, đồng thời giảm chi phí quản lý doanh nghiệp cho những kỳ tiếp theo, đáp ứng cho mục tiêu phát triển của VHG những năm tới.

Tại thời điểm 31/12/2020, tổng số lao động của VHG là 02 người, trong đó:

Loại lao động	Số lượng (người)
Phân theo giới tính	02
▪ Nam	01
▪ Nữ	01
Phân theo trình độ học vấn	2
▪ Trình độ đại học và trên đại học	2
▪ Trình độ cao đẳng và trung cấp	0
▪ Đối tượng khác	0

Chính sách đối với người lao động

Công ty áp dụng các luật, quy chế và các thông lệ trong công tác quản lý lao động phù hợp với Luật lao động, đảm bảo các chính sách cơ bản, ký kết hợp đồng lao động, chính

sách về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, trợ cấp thôi việc, thâm niên... và các chính sách khác theo chế độ dành cho người lao động theo quy định của Nhà nước.

Ban lãnh đạo luôn xác định và định hướng con người luôn là nhân tố quan trọng nhất của công ty trong quá trình phát triển. Chính vì thế chính sách đào tạo và phát triển nguồn nhân lực của Công ty luôn là động lực tạo ra sự gắn kết người lao động và sự phát triển lâu dài và bền vững của công ty.

Hiện tại, Công ty đã xây dựng và hoàn thiện quy trình tuyển dụng và kế hoạch đào tạo nhân sự. Do đó người lao động khi được tuyển dụng vào Công ty nắm bắt và hòa nhập nhanh chóng vào môi trường làm việc. Hơn nữa, lãnh đạo Công ty có chủ trương khuyến khích và tạo điều kiện cho nhân viên tham gia các khóa học nâng cao kiến thức chuyên môn, kỹ năng quản lý. Đồng thời, kinh phí đào tạo cũng được dự trù hàng năm trong tổng chi phí sản xuất kinh doanh của công ty.

Thực hiện đúng và đầy đủ việc trích nộp Bảo hiểm Xã hội & Bảo hiểm Y tế và trợ cấp thôi việc cho người lao động theo chế độ quy định của Luật lao động nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và theo văn bản thỏa ước lao động.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

3.1. Các khoản đầu tư lớn

- + Nghiên cứu và phát triển lĩnh vực mới cũng như các lĩnh vực hiện có.
- Tiếp tục hoàn thiện hệ thống quy hoạch, quản lý vườn cây cao su theo quy trình chuẩn. Nghiên cứu các giống cây cao su mới cho năng suất cao và phù hợp với thổ nhưỡng và địa hình của địa phương.
- Năm 2020 Công ty tiếp tục chú trọng vào dự án Trồng cây cao su: do xác lập thủ tục quyền sử dụng đất kéo dài từ chính quyền địa phương nên trong năm vẫn chưa phát triển thêm diện tích đất cho dự án. Trong năm tập trung đầu tư hạ tầng, chăm sóc và nâng cao chất lượng vườn cây, tiến hành rà soát và đúc kết kinh nghiệm làm cơ sở cho việc triển khai đồng loạt dự án cho các năm sau.

3.2. Đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết

▪ Công ty con:

- Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Quảng Nam

- + Hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4000939100 ngày 30/09/2013 và chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 2 ngày 02/11/2016.
- + Địa chỉ trụ sở chính: Thôn Phú Sơn, Xã Ba, Huyện Đông Giang, Tỉnh Quảng Nam
- + Lĩnh vực kinh doanh: Trồng cây cao su, trồng rừng, chăm sóc rừng, khai thác gỗ và lâm sản khác, dịch vụ lâm nghiệp, sản xuất săm lốp cao su và các sản phẩm khác từ cao su.
- + Vốn điều lệ: 300 tỷ đồng trong đó VHG nắm giữ 72% vốn điều lệ.

▪ Công ty liên kết:

- Công ty Cổ phần Sản Xuất Ứng Dụng Công Nghệ Cao Thái Sơn

- + Hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0106039039
- + Địa chỉ trụ sở chính: Nhà số 2. LK 5B. Khu đô thị Mỗ Lao. Quận Hà Đông. Tp Hà Nội.
- + Lĩnh vực kinh doanh: Bán buôn nông. lâm thủy sản.
- + Vốn điều lệ: 100.000.000.000 (Một trăm tỷ đồng chẵn) tỷ lệ nắm giữ 49%.

4. Tình hình tài chính

4.1. Tình hình tài chính

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	% tăng giảm
1. Tổng giá trị tài sản	328.866	270.511	(22%)
2. Doanh thu thuần	8.908	-	
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(141.735)	-	
4. Lợi nhuận khác	0.653	(8.390)	108%
5. Lợi nhuận trước thuế	(141.081)	(67.918)	(108%)
6. Lợi nhuận sau thuế	(25.509)	(73.113)	65%
7. Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (% vốn điều lệ)	(68)	(469)	86%

(Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2020 – VHG)

4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2019	Năm 2020
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	10.78	2.41
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	10.78	2.41
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	14%	16%
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	16%	20%
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho: (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	vòng	0	0
Vòng quay tổng tài sản: (Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân)	vòng	0.02	0
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	(286%)	-
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu BQ	%	(10%)	(49%)
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản BQ	%	(7%)	(24%)
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	0.99%	-

Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2019	Năm 2020
Thu nhập trên cổ phần (EPS)	đồng/CP	(68)	(469)

(Nguồn: VHG)

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

5.1. Cổ phần

Tổng số cổ phần đang lưu hành: 150.000.000 cổ phần

Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông

Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 150.000.000 cổ phần

Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phần

5.2. Cơ cấu cổ đông

Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của Công ty và những người có liên quan: Không có

Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 04/03/2021

STT	Cổ đông	Số lượng (người)	Số cổ phần (cổ phần)	Giá trị theo mệnh giá (VND)	Tỷ lệ (%)
I	Cổ đông trong nước	3.834	149.464.045	1.495.946.950.000	99.73%
1	Cổ đông tổ chức	19	2.671.195	26.711.950.000	1.79%
	<i>Trong đó: Nhà nước</i>	-	-	-	
2	Cổ đông cá nhân	3.815	146.923.500	1.469.235.000.000	98.21%
II	Cổ đông nước ngoài	45	405.305	4.053.050.000	0.27%
1	Cổ đông tổ chức	4	77.210	772.100.000	19.05%
2	Cổ đông cá nhân	41	328.095	3.280.950.000	80.95%
	Tổng cộng	3.879	150.000.000	1.500.000.000.000	100%

5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Trong năm 2020, Công ty không có bất kỳ hoạt động thay đổi vốn nào.

5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

5.5. Các chứng khoán khác: Không có.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2020 Công ty tiếp tục đẩy mạnh thực hiện tái cấu trúc toàn diện, do tập trung nhiều vào việc tái cấu trúc. nên hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ của Công ty cũng không được tốt như các năm trước đó. khiến cho Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông Công ty mẹ trong năm 2020 giảm sút đáng kể. Kết quả hợp nhất cả năm 2020. Tổng Doanh thu. Doanh thu hoạt động tài chính và Thu nhập khác hơn 2.1 tỷ đồng đạt mức 21% kế hoạch đặt ra.

2. Tình hình tài chính

2.1. Tình hình tài sản

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Khoản mục	31/12/2019 (VND)	31/12/2020 (VND)
I	Tài sản ngắn hạn	71.383	37.294
1	Tiền	67	41
2	Đầu tư tài chính ngắn hạn	54	54
3	Phải thu	67.878	33.770
4	Hàng tồn kho	0	0
5	Tài sản ngắn hạn khác	3.383	3.428
II	Tài sản dài hạn	257.483	233.216
1	- Phải thu dài hạn	0	0
2	- Tài sản cố định	69.804	64.916
3	- Tài sản dở dang dài hạn	57.374	57.255
4	- Đầu tư tài chính dài hạn	121.764	102.759
5	- Tài sản dài hạn khác	8.539	8.284
	Tổng tài sản	328.866	270.511

2.2. Tình hình nợ phải trả

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Khoản mục	31/12/2019	31/12/2020
I	Nợ ngắn hạn	5.920	15.483
1	Vay và nợ ngắn hạn	0	0
2	Phải trả người bán	1.258	1.258
3	Người mua trả tiền trước	97	29
4	Thuế và các khoản phải nộp NN	0	10.777
5	Phải trả người lao động	84	8
6	Chi phí phải trả	0	0
7	Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.532	2.463
8	Quỹ khen thưởng phúc lợi	947	947

II	Nợ dài hạn	23.684	28.879
1	Vay và nợ dài hạn	0	0
2	Thuế TN hoãn lại phải trả	23.684	28.879
	Tổng cộng	29.605	44.362

Công ty thực hiện tái cấu trúc tài chính, tăng cường công tác thu hồi nợ và thanh lý, chuyển nhượng tài sản, cải thiện dòng tiền Công ty.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Công ty đã sắp xếp giảm đáng kể chi phí quản lý doanh nghiệp cho những kỳ tiếp theo, đáp ứng cho mục tiêu phát triển của VHG những năm tới, góp phần nâng cao hiệu quả và tăng tỷ suất lợi nhuận năm 2020.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Năm 2021, với nỗ lực tối đa, Công ty sẽ từng bước bắt đầu phát triển ổn định, có hiệu quả và có lãi trở lại, kế hoạch cụ thể như sau:

Nhanh chóng hoàn thành quá trình tái cơ cấu, tập trung nguồn lực để ổn định phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh.

Đưa trở lại mảng hoạt động sản xuất kinh doanh nhựa và ống nhựa mà Công ty đã có kinh nghiệm từ trước, mang lại hoạt động thường xuyên liên tục và ổn định cho Công ty.

Tiếp tục triển khai xúc tiến hoạt động thương mại trong lĩnh vực phân bón, hóa chất, nông sản và các sản phẩm khác nhằm gia tăng doanh thu và lợi nhuận.

Đẩy mạnh công tác thu hồi các khoản nợ quá hạn đã trích lập dự phòng, để hoàn nhập chi phí làm gia tăng lợi nhuận trong năm 2021.

Tiếp tục kiện toàn bộ máy tổ chức quản lý, xây dựng và chuẩn bị nguồn nhân sự hùng mạnh cho chiến lược phát triển lâu dài.

Tăng cường công tác quản trị nội bộ để gia tăng hiệu quả: tinh giảm nhân sự, kiểm soát chặt chẽ chi phí, xây dựng kế hoạch kinh doanh linh hoạt, sử dụng vốn hiệu quả, giảm thiểu chi phí tài chính và quay vòng vốn hiệu quả hơn.

Với nỗ lực từng bước khắc phục khó khăn, Công ty kỳ vọng rằng sau thời điểm cấu trúc này, hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ ổn định trở lại, thực sự hiệu quả và tiếp tục tăng trưởng phát triển trở lại.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Năm 2020, tác động của cuộc khủng hoảng tài chính vẫn tiếp tục ảnh hưởng đến nền kinh tế. Tốc độ khôi phục nền kinh tế không nhanh như kỳ vọng. Lạm phát đã được kiểm soát nhưng còn tiềm ẩn nguy cơ gia tăng lại. Tín dụng cho nền kinh tế tăng chậm, khả năng tiếp cận nguồn vốn của doanh nghiệp còn bị hạn chế.

Trong bối cảnh kinh tế khó khăn, Ban giám đốc và toàn thể cán bộ công nhân viên Công ty đã nỗ lực bám sát thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019. Kết quả kinh doanh này đã thể hiện sự nỗ lực không ngừng của cán bộ công nhân viên VHG trong quá trình thực hiện tái cấu trúc toàn diện doanh nghiệp, tạo nền tảng cho sự phát triển ổn định, bền vững.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc

Trong năm công tác HĐQT đã giao, phân quyền chủ động kinh doanh cho TGD và ban GD các Công ty con, dự án theo chỉ tiêu, mục tiêu cụ thể;

Các công ty con, dự án đã giữ vững được sản xuất, nỗ lực cố gắng theo đuổi để hoàn thành các mục tiêu của HĐQT và Đại hội đồng cổ đông đã đề ra;

Công ty tuân thủ đúng quy định về công bố thông tin đối với Công ty đại chúng. Tình hình nộp nhân sách nhà nước về thuế, BHXH, BHYT, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động được thực hiện cơ bản đúng theo quy định.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Mặc dù đã có những dấu hiệu cải thiện tích cực nhưng nền kinh tế năm 2020 vẫn tiếp tục phải đối mặt với những thách thức, khó khăn từ những bất ổn kinh tế vĩ mô kéo dài từ những giai đoạn trước và ảnh hưởng của dịch bệnh Covid19 làm cho nền kinh tế đã khó khăn nay càng khó khăn hơn.

Nhằm tiếp tục thực hiện thành công kế hoạch tái cấu trúc toàn diện Công ty, trong thời gian tới. Hội đồng quản trị sẽ tập trung:

a. Bộ máy quản lý

- Kiện toàn bộ máy tổ chức, chú trọng công tác quản trị nguồn nhân lực và xây dựng đội ngũ cán bộ kế thừa, áp dụng công nghệ thông tin vào trong quản trị doanh nghiệp. Đồng thời tiếp tục xây dựng và phát triển môi trường làm việc chuyên nghiệp cho cán bộ công nhân viên Công ty;
- Tăng cường công tác quản lý chi phí và quản trị rủi ro tài chính, đánh giá hiệu quả sử dụng vốn.
- Xây dựng kế hoạch và kiểm soát hoạt động của toàn hệ thống (công ty mẹ và công ty con) nhằm hoạt động đồng bộ. khai thác tối đa ưu thế nguồn nhân lực.

b. Nguồn nhân lực

- Có chính sách mạnh dạn thay đổi và thu hút nguồn lãnh đạo cao cấp có trình độ và năng lực.
- Có chính sách bắt buộc đào tạo đội ngũ lãnh đạo kế cận.
- Có cơ chế thưởng phạt, cam kết và chịu trách nhiệm cá nhân trước Công ty về kết quả SXKD của các GD.

c. Các vấn đề khác

- Tăng cường quan hệ với đối tác bạn hàng quan trọng để tận dụng các cơ hội kinh doanh.
- Xây dựng môi trường làm việc năng động, sáng tạo và hiệu quả. Xây dựng thương hiệu vững mạnh trên thị trường. lấy lại vị thế Công ty là công ty chủ chốt ở Miền Trung.

a) Hoạt động của Ban kiểm soát

Trong năm, Ban Kiểm soát đã thực thi nhiệm vụ được qui định. phân công kiểm soát. đánh giá từng hoạt động chuyên sâu. Các hoạt động của Ban Kiểm soát được tiến hành một cách chủ động theo qui định của Pháp luật và Điều lệ của Công ty, cụ thể:

Số cuộc họp của Ban kiểm soát: 02 cuộc họp

Hoạt động của Ban kiểm soát:

- Thẩm tra các báo cáo tài chính giữa niên độ và cả năm của Công ty, báo cáo kiểm toán và danh sách các bút toán điều chỉnh của kiểm toán.
- Thẩm tra kết quả thực hiện nghị quyết Đại hội Cổ đông. các nghị quyết của Hội đồng Quản trị

- Giám sát việc chấp hành nghĩa vụ của doanh nghiệp theo qui định của Pháp luật về thuế, kế toán và các chính sách hiện hành.
- Xem xét tính minh bạch của quá trình công bố thông tin để đảm bảo quyền lợi cho nhà đầu tư
- Giám sát về việc chấp hành giao dịch cổ phiếu của những người có liên quan đến HĐQT, Ban Giám đốc, Ban Kiểm Soát và Kế toán trưởng công ty

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của mình, Ban Kiểm soát đã được HĐQT, Ban Giám đốc tạo mọi điều kiện để hoàn thành nhiệm vụ.

1. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

Nội dung	Thu lao năm 2020 (Đồng)	Ghi chú
Hội đồng quản trị	0	
Ban kiểm soát	0	

b) Giao dịch cổ phiếu: Không có.

c) Các giao dịch khác: (các giao dịch của cổ đông nội bộ/ cổ đông lớn và người liên quan với chính Công ty). Không có

d) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có

V. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán

Tổ chức kiểm toán

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam Chi Nhánh Hà Thành

Văn Phòng giao dịch: Số 44 Nguyễn Công Hoan, Phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, Hà Nội.

Điện thoại : +8424 3837 3666

Fax : +8424 3219 1538

2. Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31/12/2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Báo cáo tài chính được kiểm toán

Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật về kế toán và kiểm toán.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Quảng Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Quảng Nam (gọi tắt là "Công ty") và các Công ty con (gọi chung là "Tập đoàn"), được lập ngày ... tháng 02 năm 2021, từ trang 06 đến trang 32, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng quản trị

Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Tập đoàn theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch Hội đồng quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Chủ tịch hội đồng quản trị cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

Ngày 01/8/2019 Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Quảng Nam (Công ty con) đã bàn giao phần diện tích đất bị thu hồi thuộc Dự án Trồng mới và chăm sóc cây cao su tại huyện Đông Giang (diện tích thu hồi: 327,66 ha tại xã Ba, huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam) và nộp lại các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tương ứng cho Sở Tài nguyên và Môi trường Quảng Nam theo quyết định thu hồi đất số 3368/QĐ-UBND của UBND Tỉnh Quảng Nam ngày 08/11/2018. Tuy nhiên, Tập đoàn chưa đánh giá tổn thất của tài sản trên phần diện tích đất bị thu hồi để ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh. Với các tài liệu hiện có và bằng các thủ tục kiểm toán thay thế, chúng tôi không thể xác định được các điều chỉnh cần thiết liên quan cũng như ảnh hưởng của các bút toán điều chỉnh đến báo cáo tài chính hợp nhất, do đó chúng tôi không thể đưa ra kết luận về vấn đề này.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31/12/2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 4.1 của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Tập đoàn đã phát sinh khoản lỗ lũy kế với số tiền là 1.338.679.660.349 đồng, chiếm 89,25% vốn điều lệ. Ngoài ra, tại ngày 31/12/2020 Công ty mẹ có khoản nợ quá hạn tiền thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước với số tiền 10.777.410.703 đồng, và Cục thuế tỉnh Quảng Nam đã thực hiện cưỡng chế nợ thuế bằng biện pháp phong tỏa các tài khoản của Công ty mẹ mở tại các ngân hàng (xem tại Thuyết minh số 5.12 của Báo cáo tài chính hợp nhất). Các điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Tập đoàn. Tuy nhiên, Chủ tịch hội đồng quản trị đã xây dựng kế hoạch dòng tiền từ hoạt động kinh doanh trong tương lai thông qua các hoạt động tái cơ cấu các khoản đầu tư tài chính và các hoạt động kinh doanh chính để đảm bảo dòng tiền cho hoạt động kinh doanh của Tập đoàn.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.

Công ty TNHH kiểm toán AFC Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành



NGUYỄN TRUNG THÀNH
Phó Giám đốc
Giấy chứng nhận Đăng ký hành nghề
Kiểm toán số 1673-2018-009-1
Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2021

PHẠM QUANG KHẢI
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận Đăng ký hành nghề
Kiểm toán số 4018-2019-009-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
TÀI SẢN				
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		37.294.994.585	71.383.312.042
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		41.362.087	67.273.973
1. Tiền	111		41.362.087	67.273.973
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		54.000.000	54.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		350.000.000	350.000.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		(296.000.000)	(296.000.000)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		33.770.855.448	67.878.710.896
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		137.912.649.442	140.507.627.971
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		10.243.081.755	10.270.581.755
3. Phải thu ngắn hạn khác	136		665.618.333	733.118.333
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(115.050.494.082)	(83.632.617.163)
IV. Hàng tồn kho	140		-	-
1. Hàng tồn kho	141		8.910.019.214	8.910.019.214
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	142		(8.910.019.214)	(8.910.019.214)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.428.777.050	3.383.327.173
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		565.714.565	520.264.688
3. Thuế và các khoản phải thu nhà nước	153		2.863.062.485	2.863.062.485
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		233.276.506.451	254.896.321.587
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		64.916.305.772	69.804.784.224
1. Tài sản cố định hữu hình	221		64.916.305.772	69.804.784.224
- Nguyên giá	222		98.859.358.315	98.859.358.315
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(33.943.052.543)	(29.054.574.091)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		675.311.099	675.311.099
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(675.311.099)	(675.311.099)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		57.255.569.709	57.374.503.791
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		57.255.569.709	57.374.503.791
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		102.819.992.697	121.764.154.666
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		102.819.992.697	121.764.154.666
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
II. Tài sản dài hạn khác	260		8.284.638.273	8.539.874.314
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		8.284.638.273	8.539.874.314
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		270.571.501.036	328.866.629.037

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
NGUỒN VỐN				
A- NỢ PHẢI TRẢ	300		44.362.696.429	29.605.108.737
I. Nợ ngắn hạn	310		15.483.614.460	5.920.309.816
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		1.258.596.000	1.258.596.000
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		29.527.422	97.591.991
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313		10.777.410.703	-
4. Phải trả người lao động	314		8.000.000	84.262.767
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	-
6. Phải trả ngắn hạn khác	319		2.463.034.669	3.532.813.392
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		947.045.666	947.045.666
II. Nợ dài hạn	330		28.879.081.969	23.684.798.921
1. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		28.879.081.969	23.684.798.921
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		226.208.804.607	299.261.520.300
I. Vốn chủ sở hữu	410		226.208.804.607	299.261.520.300
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.500.000.000.000	1.500.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.500.000.000.000	1.500.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		26.169.114.884	26.169.114.884
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(1.336.165.415.586)	(1.269.349.115.555)
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(1.265.873.812.526)	(1.259.190.206.025)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(70.291.603.060)	(10.158.909.530)
4. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		36.205.105.309	42.441.520.971
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		270.571.501.036	328.866.629.037

Quảng Nam, ngày 25 tháng 03 năm 2021

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng quản trị





NGUYỄN THỊ HẠNH

NGUYỄN THỊ HẠNH

VŨ ANH TUẤN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		-	8.908.654.136
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và CCDV (10= 01-02)	10		-	8.908.654.136
4. Giá vốn hàng bán	11		-	8.820.449.640
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và CCDV (20=10-11)	20		-	88.204.496
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		188.831	2.471.423.406
7. Chi phí tài chính	22		102.000	130.551.878.386
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	453.618.010
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24	(18.944.161.969)		-
9. Chi phí quản lý kinh doanh	26		40.516.075.286	13.743.572.745
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 24)	30		(59.460.150.424)	(141.735.823.229)
11. Thu nhập khác	31		2.100.000.000	656.472.438
12. Chi phí khác	32		10.498.282.221	2.493.769
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(8.398.282.221)	653.978.669
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(67.858.432.645)	(141.081.844.560)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		5.194.283.048	(115.572.289.546)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51)	60		(73.052.715.693)	(25.509.555.014)
18. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		(70.291.603.060)	(10.158.909.530)
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(2.761.112.633)	(15.350.645.484)
20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		(469)	(68)
21. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		(469)	(68)

Quảng Nam, ngày 25 tháng 03 năm 2021

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng quản trị





NGUYỄN THỊ HẠNH

NGUYỄN THỊ HẠNH

VŨ ANH TUẤN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động KD				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(67.858.432.645)	(141.000.190.171)
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		4.888.478.452	4.930.647.246
Các khoản dự phòng	03		31.417.876.919	(37.860.548.818)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		18.943.973.138	164.749.195.135
Chi phí lãi vay	06		-	453.618.010
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(12.608.104.136)	(8.727.278.598)
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		2.644.528.652	(8.164.241.537)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		-	-
Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		9.682.238.726	(32.339.894.969)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		255.236.041	230.807.412
Tiền lãi vay đã trả	14		-	(1.625.530.607)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	(158.807.641)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động KD	20		(26.100.717)	(50.784.945.940)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản dài hạn khác	21		-	(167.119.548)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	55.674.289.104
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và LN được chia	27		188.831	2.471.423.406
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		188.831	57.978.592.962

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động TC				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	(7.846.758.497)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động TC	40		-	(7.846.758.497)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)	50		(25.911.886)	(653.111.475)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		67.273.973	720.385.448
Ảnh hưởng của thay đổi TGHD QĐ ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	70		41.362.087	67.273.973

Quảng Nam, ngày 25 tháng 03 năm 2021

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng quản trị





NGUYỄN THỊ HẠNH

NGUYỄN THỊ HẠNH

VŨ ANH TUẤN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1. Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Quảng Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty") được đổi tên từ Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Việt Hàn, là Công ty Cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 33030700039 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam cấp ngày 14 tháng 7 năm 2003. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần gần đây nhất của Công ty là lần thứ 17 số 4000386181 ngày 14 tháng 8 năm 2020.

Vốn điều lệ: 1.500.000.000.000 đồng

1.2. Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất, kinh doanh thương mại và dịch vụ

1.3. Ngành nghề kinh doanh: Trồng cây cao su; Khai thác gỗ; Trồng rừng và chăm sóc rừng lấy gỗ

Hoạt động chính của Tập đoàn là trồng cây cao su

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tập đoàn là trong vòng 12 tháng.

1.5. Cấu trúc doanh nghiệp:

a) Tại ngày 31/12/2020, Tập đoàn có 01 công ty con (tại ngày 31/12/2019: 01 công ty con)

- Số lượng các Công ty được hợp nhất: 01 công ty
- Số lượng các Công ty con không được hợp nhất: 0 công ty

b) Các công ty con được hợp nhất:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Quảng Nam	Thôn Phú Sơn, xã Ba, huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam	72%	72%

c) Các Công ty liên kết quan trọng được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty Cổ phần Sản xuất Ứng dụng Công nghệ cao Thái Sơn	Nhà số 2, LK6B, KĐT Mỗ Lao, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội	49%	49%

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại: Lô 04 KCN Điện Nam - Điện Ngọc, phường Điện Ngọc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

Số lượng nhân viên của Tập đoàn tại ngày 31/12/2020 là 03 (tại ngày 31/12/2019 là 03).

1.6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất là số liệu theo Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của Công ty đã được kiểm toán.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Tập đoàn là Đồng Việt Nam ("VND") cũng là đơn vị tiền tệ sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014

3.2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành.

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

Những chính sách kế toán được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất.

4.1. Giả định về hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được lập dựa trên cơ sở hoạt động liên tục, với giả định rằng Tập đoàn sẽ có thể sử dụng các tài sản và thanh toán các khoản nợ phải trả của Tập đoàn trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai gần.

Tại ngày 31/12/2020 Tập đoàn đang ghi nhận khoản lỗ lũy kế với số tiền là 1.338.679.660.349 đồng, chiếm 89,25% vốn điều lệ. Ngoài ra, tại ngày 31/12/2020 Tập đoàn có khoản nợ quá hạn tiền thuế phải nộp Ngân sách nhà nước với số tiền 10.777.410.703 đồng, và Cục thuế tỉnh Quảng Nam thực hiện cưỡng chế nợ thuế bằng biện pháp phong tỏa các tài khoản của Tập đoàn mở tại các ngân hàng (xem tại thuyết minh số 5.9 của Báo cáo tài chính hợp nhất). Các điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Tập đoàn. Tuy nhiên, Chủ tịch hội đồng quản trị đã xây dựng kế hoạch dòng tiền từ hoạt động kinh doanh trong tương lai thông qua các hoạt động tái cơ cấu các khoản đầu tư tài chính và các hoạt động kinh doanh chính để đảm bảo dòng tiền cho hoạt động kinh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

doanh của Tập đoàn. Dựa trên các cơ sở này, Chủ tịch hội đồng quản trị cho rằng việc lập báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn trên cơ sở hoạt động liên tục là phù hợp.

Vi vậy, báo cáo tài chính hợp nhất không bao gồm các bút toán điều chỉnh liên quan đến khả năng thu hồi và việc phân loại các khoản mục tài sản đã hạch toán hoặc các khoản mục công nợ có thể cần thiết trong trường hợp Tập đoàn không thể tiếp tục hoạt động trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục. Giả định này được lập dựa trên cơ sở dự đoán các sự kiện sẽ diễn ra trong tương lai như nêu trên

4.2. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất các Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Quảng Nam (Công ty mẹ) và Báo cáo tài chính của các công ty do Công ty mẹ kiểm soát (các công ty con). Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty mẹ có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các Công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các Công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư chủ yếu giữa Công ty với các công ty con và giữa các công ty con trong cùng Tập đoàn được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của Tập đoàn. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông không kiểm soát vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của Công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông không kiểm soát có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

4.3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.4. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời. Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Tập đoàn có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo qui định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá gốc. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

4.5. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tập đoàn.

Các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Tập đoàn và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết).
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch có tính chất mua-bán.

Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ, được đánh giá lại theo tỷ giá thực tế tại ngày báo cáo.

Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

4.6. Hàng tồn kho

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được

- Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá hợp nhất biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

4.7. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên nguyên giá và thời gian hữu dụng ước tính.

Thời gian hữu dụng ước tính của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

- | | |
|-----------------------------------|-------------|
| ▪ Nhà cửa, vật kiến trúc | 05 - 25 năm |
| ▪ Máy móc, thiết bị | 06 - 10 năm |
| ▪ Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 06 - 12 năm |
| ▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý | 03 - 05 năm |
| ▪ Tài sản cố định khác | 20 năm |

4.8. Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính được ghi nhận theo giá mua mà phần mềm máy tính này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan, được vốn hóa và ghi nhận là tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 03 năm.

4.9. Xây dựng cơ bản dở dang

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các khoản chi phí cho xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

4.10. Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính. Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

4.11. Các khoản phải trả

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tập đoàn.

Các khoản phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán (là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết);
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Phải trả người bán và các khoản phải trả khác được ghi nhận theo giá gốc. Phải trả người bán và các khoản phải trả khác được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ, được đánh giá lại theo tỷ giá thực tế tại ngày báo cáo.

Khi lập Báo cáo tài chính, kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng chắc chắn xảy ra, kế toán ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

4.12. Vốn chủ sở hữu:

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

4.13. Phân phối lợi nhuận

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.14. Doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung bán hàng và cấp dịch vụ

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Thu nhập từ tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Thu nhập từ cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Thu nhập từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn

Thu nhập từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu được chuyển giao cho người mua. Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chỉ được chuyển giao cho người mua khi hoàn thành giao dịch mua bán (đối với chứng khoán đã niêm yết) hoặc hoàn thành hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

4.15. Chi phí

Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

Chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm: chi phí đi vay vốn. Chi phí lãi vay (kể cả số trích trước) phát sinh trong kỳ tài chính được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ báo cáo.

4.16. Thuế

Thuế giá trị gia tăng (GTGT)

Tập đoàn áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với mức thuế suất thuế GTGT 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

4.17. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định hợp nhất biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định hợp nhất biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

4.18. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi, trả thù lao Hội đồng Quản trị) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

4.19. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động, hoặc có quyền được tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên kia, nhưng không kiểm soát các chính sách đó.

Các bên có liên quan bao gồm:

- Các doanh nghiệp kể cả công ty mẹ, công ty con, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty;
- Các bên liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của doanh nghiệp báo cáo, bao gồm những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp được sở hữu bởi những người lãnh đạo hoặc các cổ đông chính của Công ty và những doanh nghiệp có chung một thành viên quản lý chủ chốt với Công ty.

Các bên sau đây được xem là các bên có liên quan:

Đối tượng	Quan hệ
Công ty Cổ phần Sản xuất Ứng dụng Công nghệ cao Thái Sơn	Công ty liên kết
Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng	Thành viên chủ chốt

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Cuối năm	Đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt	997.728	13.593.796
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	40.364.359	53.680.177
Cộng	41.362.087	67.273.973

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

5.2. Các khoản đầu tư tài chính

a) Chứng khoán kinh doanh

	Giá gốc	Cuối năm Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Đầu năm Dự phòng	Giá trị hợp lý
Cổ phiếu						
Công ty CP TM & DV Dầu Khí Vũng Tàu	350.000.000	(296.000.000)	54.000.000	350.000.000	(296.000.000)	54.000.000
Cộng	350.000.000	(296.000.000)	54.000.000	350.000.000	(296.000.000)	54.000.000

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Giá gốc	Cuối năm Dự phòng	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Giá gốc	Đầu năm Dự phòng	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu
Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh						
Công ty CP SX Ứng dụng Công nghệ Cao Thái Sơn	121.800.000.000	102.819.992.697	(*) 121.800.000.000	121.800.000.000	121.764.154.666	(*)
Cộng	121.800.000.000	102.819.992.697	121.800.000.000	121.800.000.000	121.764.154.666	

(*)

Tại ngày báo cáo, Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật đánh giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

Thông tin về công ty liên doanh, liên kết của Công ty tại ngày 31/12/2020

Tên Công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ sở hữu trực tiếp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Sản xuất Ứng dụng Công nghệ Cao Thái Sơn	Nhà số 2, LK6B, KĐT Mỗ Lao, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội	49%	49%	Hoạt động tư vấn quản lý

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

5.3. Phải thu của khách hàng

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
	VND	VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn		
Phạm Văn Minh	63.750.000.000	63.750.000.000
Đỗ Thị Bé	56.800.000.000	56.800.000.000
Phải thu của các đối tượng khác	17.362.649.442	19.957.627.971
Cộng	<u>137.912.649.442</u>	<u>140.507.627.971</u>
Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-
Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	-	-

5.4. Phải thu khác

	<u>Cuối năm</u>		<u>Đầu năm</u>	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn				
Phải thu người lao động	-	-	67.500.000	-
Công ty CP Điện tử - Viễn thông Tin học Bưu điện	665.618.333	(665.618.333)	665.618.333	(665.618.333)
Phải thu khác	-	-	-	-
Cộng	<u>665.618.333</u>	<u>(665.618.333)</u>	<u>733.118.333</u>	<u>(665.618.333)</u>

5.5. Nợ xấu

	Thời gian quá hạn	<u>Cuối năm</u>		<u>Đầu năm</u>	
		Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Phạm Văn Minh	trên 03 năm	63.750.000.000	-	63.750.000.000	-
Đỗ Thị Bé	từ 01 năm đến 02 năm	56.800.000.000	28.400.000.000	56.800.000.000	56.800.000.000
Đối tượng khác		28.130.332.726	5.229.838.644	37.742.472.448	17.859.855.285
Cộng		<u>148.680.332.726</u>	<u>33.629.838.644</u>	<u>158.292.472.448</u>	<u>74.659.855.285</u>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

5.6. Hàng tồn kho

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	8.910.019.214	(8.910.019.214)	8.910.019.214	(8.910.019.214)
Cộng	8.910.019.214	(8.910.019.214)	8.910.019.214	(8.910.019.214)

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém chất lượng không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối năm: 0 đồng;
- Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối năm: 0 đồng;
- Chi tiết tình hình tăng, giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Số dư đầu năm	(8.910.019.214)	(8.910.019.214)
Trích lập bổ sung dự phòng trong năm	-	-
Hoàn nhập dự phòng	-	-
Sử dụng dự phòng trong năm	-	-
Số dư cuối năm	(8.910.019.214)	(8.910.019.214)

5.7. Xây dựng cơ bản dở dang

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Dự án Trồng mới và chăm sóc cây cao su tại huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam	57.255.569.709	57.255.569.709	57.374.503.791	57.374.503.791
Cộng	57.255.569.709	57.255.569.709	57.374.503.791	57.374.503.791

Dự án Trồng mới và chăm sóc cây cao su tại huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam đã được UBND tỉnh Quảng Nam cấp Giấy chứng nhận đầu tư thay đổi lần 3 số 8120572766 ngày 06/5/2016 (Thay thế: Giấy chứng nhận đầu tư số 49/CN-UBND ngày 03/10/2008; Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh lần 1 số 38/CN-UBND ngày 14/7/2011, Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh lần 2 số 90/CN-UBND ngày 31/12/2014 của UBND tỉnh Quảng Nam).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***5.8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
	VND	VND		VND	VND			
Nguyên giá								
Số dư đầu năm	98.097.479.064		608.983.628	110.335.623	42.560.000	-	-	98.859.358.315
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-		-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-		-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-		-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	98.097.479.064		608.983.628	110.335.623	42.560.000	-	-	98.859.358.315
Giá trị đã hao mòn lũy kế								
Số dư đầu năm	28.299.022.142		602.656.326	110.335.623	42.560.000	-	-	29.054.574.091
- Khấu hao trong năm	4.882.151.150		6.327.302	-	-	-	-	4.888.478.452
- Thanh lý, nhượng bán	-		-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-		-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	33.181.173.292		608.983.628	110.335.623	42.560.000	-	-	33.943.052.543
Giá trị còn lại								
Tại ngày đầu năm	69.798.456.922		6.327.302	-	-	-	-	69.804.784.224
Tại ngày cuối năm	64.916.305.772		-	-	-	-	-	64.916.305.772

- Giá trị còn lại tại ngày 31/12/2020 của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: không phát sinh;
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 0 đồng;
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm chờ thanh lý: 0 đồng;
- Các cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai: không có.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

5.9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	<u>Phần mềm máy tính</u>	<u>Tổng cộng</u>
	VND	VND
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	675.311.099	675.311.099
- Mua trong năm	-	-
Số dư cuối năm	675.311.099	675.311.099
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	675.311.099	675.311.099
- Khấu hao trong năm	-	-
Số dư cuối năm	675.311.099	675.311.099
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu năm	-	-
Tại ngày cuối năm	-	-

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 0 đồng;
- TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng: 0 đồng;

5.10. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
	VND	VND
Chi phí đền bù DA Trồng mới và chăm sóc cây cao su tại huyện Đông Giang, Quảng Nam (Phân bổ 50 năm)	8.284.638.273	8.539.874.314
Cộng	8.284.638.273	8.539.874.314

5.11. Phải trả người bán

a) Các khoản phải trả người bán

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
	VND	VND
Công Ty TNHH MTV TM DV XD SX Hoàng Gia Phát	727.975.000	727.975.000
Công ty TNHH MTV Quế Lâm Miền Trung	372.575.000	372.575.000
Phải trả cho các đối tượng khác	158.046.000	158.046.000
Cộng	1.258.596.000	1.258.596.000

b) Số nợ quá hạn chưa thanh toán

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
	VND	VND
Công Ty TNHH MTV TM DV XD SX Hoàng Gia Phát	727.975.000	727.975.000
Công ty TNHH MTV Quế Lâm Miền Trung	372.575.000	372.575.000
Phải trả cho các đối tượng khác	158.046.000	158.046.000
Cộng	1.258.596.000	1.258.596.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

5.12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Thuế phải nộp

	<u>Đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số thực nộp trong năm</u>	<u>Cuối năm</u>
	VND	VND	VND	VND
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	6.515.244.061	-	6.515.244.061
Phí, lệ phí, các khoản phải nộp khác	-	4.300.144.634	37.977.992	4.262.166.642
Cộng	-	10.815.388.695	37.977.992	10.777.410.703

(*) Tại ngày 31/12/2020, Công ty còn nợ quá hạn tiền thuế phải nộp Ngân sách nhà nước với số tiền 10.777.410.703 đồng, và Cục thuế tỉnh Quảng Nam đã thực hiện cưỡng chế nợ thuế bằng biện pháp phong tỏa các tài khoản của Công ty mở tại các ngân hàng

Thuế phải thu

	<u>Đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số thực nộp trong năm</u>	<u>Cuối năm</u>
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	2.824.593.206	-	-	2.824.593.206
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.231.663	-	-	5.231.663
Thuế thu nhập cá nhân	1.153.725	82.163.333	82.163.333	1.153.725
Thuế tài nguyên	32.083.891	-	-	32.083.891
Cộng	2.863.062.485	82.163.333	82.163.333	2.863.062.485

5.13. Phải trả phải nộp khác ngắn hạn

a) Ngắn hạn

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	154.751.551	149.604.274
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	76.025.547	76.025.547
Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	2.232.257.571	3.307.183.571
Cộng	2.463.034.669	3.532.813.392

b) Số nợ quá hạn chưa thanh toán

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
	VND	VND
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	76.025.547	76.025.547
Trần Văn Anh Tùng	2.688.571	2.688.571
UBND xã Tam Lộc	59.495.000	59.495.000
Cộng	138.209.118	138.209.118

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

5.14. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
	VND	VND
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả	20%	20%
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	28.879.081.969	23.684.798.921
Số bù trừ với tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	-
Cộng	<u>28.879.081.969</u>	<u>23.684.798.921</u>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

5.15. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
	VND	VND			VND
Số dư đầu năm trước	1.500.000.000.000	26.169.114.884	(1.258.255.824.073)	4.525.054.164	272.438.344.975
Tăng vốn trong năm trước					
Lãi trong năm trước				53.267.112.291	53.267.112.291
Tăng khác			(10.204.983.861)	(15.350.645.484)	(25.555.629.345)
Lỗ trong năm trước					
Số dư đầu năm nay	1.500.000.000.000	26.169.114.884	(1.268.460.807.934)	42.441.520.971	299.261.520.300
Tăng vốn trong năm nay					
Lãi trong năm nay			3.475.303.029	-	3.475.303.029
Tăng khác			(70.218.852.415)	(2.761.112.633)	(72.979.965.048)
Lỗ trong năm nay				(3.475.303.029)	(3.475.303.029)
Giảm khác					
Số dư cuối năm nay	1.500.000.000.000	26.169.114.884	(1.336.165.415.586)	36.205.105.309	226.208.804.607

Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
	VND	VND
Vốn góp của các cổ đông	1.500.000.000.000	1.500.000.000.000
Cộng	<u>1.500.000.000.000</u>	<u>1.500.000.000.000</u>

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và chia lợi nhuận

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
	VND	VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	1.500.000.000.000	1.500.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	1.500.000.000.000	1.500.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

Cổ phiếu

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	150.000.000	150.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	150.000.000	150.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	150.000.000	150.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	150.000.000	150.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	150.000.000	150.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu		

Cổ tức

- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:
 + Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông: không phát sinh
 + Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi: không phát sinh
 Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận: không phát sinh

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Doanh thu		
Doanh thu bán hàng	-	8.908.654.136
Cộng	<u>-</u>	<u>8.908.654.136</u>
Doanh thu đối với các bên liên quan	-	-

6.2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	-	8.820.449.640
Cộng	-	8.820.449.640

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi	188.831	292.393
Lãi bán các khoản đầu tư	-	2.471.131.013
Cộng	188.831	2.471.423.406

6.4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Lãi tiền vay	-	453.618.010
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	-	128.498.624.035
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	-	39.460.121.333
Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	-	(37.860.548.818)
Chi phí tài chính khác	102.000	63.826
Cộng	102.000	130.551.878.386

6.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Chi phí nhân viên	259.253.849	501.897.488
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.888.478.452	4.930.647.246
Dự phòng phải thu khó đòi	34.012.855.448	7.500.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	495.226.404	461.286.234
Chi phí khác bằng tiền	860.261.133	489.083.007
Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi	-	(139.341.230)
Cộng	40.516.075.286	13.743.572.745

6.6. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Thu tiền phạt	-	-
Các khoản khác	2.100.000.000	656.472.438
Cộng	2.100.000.000	656.472.438

6.7. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Tiền nộp phạt	4.379.144.634	351.125
Các khoản khác	6.119.137.587	2.142.644
Cộng	<u>10.498.282.221</u>	<u>2.493.769</u>

6.8. Chi phí kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	-
Chi phí nhân công	259.253.849	501.897.488
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.888.478.452	4.930.647.246
Chi phí dịch vụ mua ngoài	495.226.404	461.286.234
Chi phí bằng tiền khác	860.261.133	489.083.007
Cộng	<u>6.503.219.838</u>	<u>6.382.913.975</u>

6.9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	5.194.283.048	156.840.232
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	(115.729.129.778)
Tổng chi phí thuế TNDN hoãn lại	<u>5.194.283.048</u>	<u>(115.572.289.546)</u>

6.10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Đơn vị tính	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận trong kỳ phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty	VND	(70.291.603.060)	(10.158.909.530)
Các khoản điều chỉnh tăng/giảm lợi nhuận để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty	VND	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	VND	(70.291.603.060)	(10.158.909.530)
Số lượng cổ phiếu phổ thông của Công ty đang lưu hành bình quân trong năm	Cổ phiếu	150.000.000	150.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VND/Cổ phiếu	(469)	(68)
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	VND/Cổ phiếu	(469)	(68)

7. CÁC THÔNG TIN KHÁC

7.1 Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

7.2 Thông tin về các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

Giao dịch trọng yếu và số dư của Công ty với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan bao gồm: Chủ tịch HĐQT và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
- Tiền lương, thưởng và các khoản phụ cấp	-	-

Giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan khác trong năm

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
1. Ông Vũ Anh Tuấn		
+ Mượn tiền	1.025.074.000	740.000.000

Giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan khác trong năm

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
	VND	VND
Phải trả, phải nộp khác		
+ Ông Vũ Anh Tuấn	2.170.074.000	1.145.000.000

7.3 Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Tập đoàn là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020, Tập đoàn không phát sinh doanh thu và giá vốn bán hàng hóa.

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Trong kỳ, toàn bộ hoạt động của Tập đoàn diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

7.4 Thông tin so sánh

Số liệu được dùng để so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của Công ty. Một số số liệu so sánh đã được điều chỉnh, trình bày lại phù hợp với thực tế và đảm bảo mục đích so sánh với số liệu năm nay. Cụ thể như sau:

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2019:

Khoản mục	Mã số	Số đã báo cáo	Điều chỉnh lại	Số sau điều chỉnh lại
		VND	VND	VND
Tài sản ngắn hạn khác	150			
Thuế GTGT được khấu trừ	152	573.090.813	(52.826.125)	520.264.688
Nợ ngắn hạn	310			
Phải trả người bán ngắn hạn	311	1.902.247.348	(643.651.348)	1.258.596.000
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	163.239.206	(65.647.215)	97.591.991
Nợ dài hạn	330			
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	38.227.958.689	(14.543.159.768)	23.684.798.921
Vốn chủ sở hữu	410			
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	(1.284.548.747.761)	15.199.632.206	(1.269.349.115.555)
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	(1.273.890.206.025)	14.700.000.000	(1.259.190.206.025)
LNST chưa phân phối kỳ này	421b	(10.658.541.736)	499.632.206	(10.158.909.530)

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019:

Khoản mục	Mã số	Số đã báo cáo	Điều chỉnh lại	Số sau điều chỉnh lại
		VND	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	01	(141.738.316.998)	784.201.158	(140.954.115.840)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	165.487.321.962	(784.201.158)	164.703.120.804

Người lập biểu



NGUYỄN THỊ HẠNH

Kế toán trưởng



NGUYỄN THỊ HẠNH

Quảng Nam, ngày 25 tháng 03 năm 2021

Chủ tịch Hội đồng quản trị



VŨ ANH TUẤN

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



VŨ ANH TUẤN